

Số: 2412/BC-UBND

Mường Kim, ngày 04 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh
tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030**
(Trình tại kỳ họp thứ 5 HĐND xã khoá XXI)

Thực hiện Chương trình Kỳ họp thứ 5 HĐND xã, khóa XXI. Ủy ban nhân dân xã Mường Kim báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

A. BỐI CẢNH THỰC HIỆN

1. Bối cảnh quốc tế

Bối cảnh quốc tế giai đoạn 2021 - 2025, nổi bật với sự suy giảm và bất ổn của thương mại thế giới do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và các bất ổn địa chính trị (Xung đột Nga-Ukraine, Chiến sự Israel-Hamas/Gaza...). Kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức kép, vừa từ các yếu tố bất lợi bên ngoài, vừa từ những hạn chế nội tại, tác động sâu sắc đến nhiều ngành.

2. Tình hình trong nước và khu vực

Tình hình trong nước và bối cảnh khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2021-2025 được đánh dấu bằng sự phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19, song song với những biến động địa chính trị phức tạp và sự gia tăng của các thách thức an ninh phi truyền thống.

3. Tình hình trong tỉnh

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2021-2025 được định hình bởi quyết tâm chính trị cao, nỗ lực tăng tốc, bứt phá để hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, với trọng tâm là phát triển bền vững, xanh và đẩy mạnh công tác giảm nghèo.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Đảng ủy xã, sự đồng hành của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn đã quyết tâm, nỗ lực phấn đấu và đạt được kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, kết quả cụ thể như sau:

(1) Đến năm 2025 thu nhập bình quân đầu người 47/51 triệu đồng/người/năm, đạt 92,15% kế hoạch.

(2) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 231,3 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

(3) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 11.910/11.910 tấn (đạt 100% kế hoạch giao); diện tích cây chè 1.164,67 ha, trong đó trồng mới 475,46/461,89 ha (đạt 102,9% kế hoạch). Tổng đàn gia súc 18.807 con, tốc độ tăng đàn 5,74%/năm. Tỷ lệ che phủ rừng 39,4%/39,4%, đạt 100% kế hoạch. Trồng mới 1.091,84 ha/1.067 ha rừng sản xuất (quế 388,03 ha; gỗ lớn 703,81 ha), đạt 102,3% kế hoạch.

(4) Tổng lượt khách du lịch đến địa bàn là 90.001 lượt người, riêng năm 2025 đạt 45.554/45.013 lượt (đạt 101,2% kế hoạch giao).

(5) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,82%/99%, đạt 100,8%; tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 91/91%, đạt 100% kế hoạch.

(6) Tỷ lệ Trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 100%. Tỷ lệ học sinh mẫu giáo đến trường đạt 100%/99,8% (đạt 100,2% kế hoạch); tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 100%/99,9% (đạt 100,1% kế hoạch); Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THCS đến trường đạt 97%/95% (đạt 102,1% kế hoạch); Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THPT đến trường 60%/60% (đạt 100% kế hoạch).

(7) Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử 81,4/81,4% đạt 100% kế hoạch giao; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng còn 15,07%/15,36% (giảm 0,29%, đạt 101,9% kế hoạch giao), tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm xuống còn 22,4%/22,46% (giảm 0,06%, đạt 100,3% kế hoạch giao); tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 89,4%/89,4% (đạt 100% kế hoạch giao); tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (8 loại) đạt 97%/96,89%, đạt 100,1% kế hoạch giao.

(8) Số lao động được giải quyết việc làm 1.643/1.603 người, đạt 102,49% kế hoạch; số lao động được đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên (dưới 3 tháng) là 1.782/1.728 người đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ lao động qua đào tạo 84,6/84,6%, đạt 100% kế hoạch.

(9) Duy trì 42 bản có nhà văn hóa (đạt 100% KH); 100% đồng bào dân tộc thiểu số có thiết bị được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 90,5%/88,5%, đạt 102,2% kế hoạch giao; tỷ lệ bản đạt danh hiệu văn hóa 90,7%/76,7%, đạt 118,3% kế hoạch giao.

(10) Hoàn thành 12/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch.

(11) Tỷ lệ hộ nghèo đạt 11,98%, giảm 15,09% so với năm 2021 (năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo 27,07%, cuối năm 2025 rà soát tỷ lệ hộ nghèo còn 11,98%).

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Về nông - lâm nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần diện tích cây trồng trên nương, tăng diện tích trồng cây ăn quả và cây công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, một số mô hình sản xuất có hiệu quả được nhân rộng. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2025 đạt 11.910 tấn; lương thực bình quân đầu người 585,4 kg/người. Thực hiện trồng 154,12 ha cây ăn quả tập trung; Mắc Ca 1.120,32 ha; Quế và các loại cây trồng khác.

Đến năm 2025 toàn xã có 15.550 ha diện tích đất có rừng, tỷ lệ che phủ rừng đạt 39,4%. Công tác bảo vệ rừng có chuyển biến tích cực, tình trạng phá rừng, cháy rừng, buôn bán lâm sản từng bước được kiểm soát. Hệ thống kiểm lâm và hệ thống chỉ huy điều hành về bảo vệ rừng và PCCCR được củng cố kiện toàn.

Chăn nuôi đại gia súc theo hướng tập trung bước đầu được hình thành và phát triển; đến hết năm 2025 toàn xã có 18.807 con gia súc, 87.000 con gia cầm các loại. Công tác kiểm soát dịch bệnh gia súc được tăng cường, kiểm soát. Công tác phát triển thủy sản được quan tâm, đã hình thành và phát triển được 498 lồng cá thuộc lưu vực lòng hồ thủy điện Bản Chát, công tác đánh bắt, khai thác thủy sản được kiểm soát, sản lượng nuôi trồng, đánh bắt đến năm 2025 đạt trên 240,86 tấn.

1.2. Xây dựng nông thôn mới

Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai sâu rộng đến tất cả các bản, góp phần làm thay đổi rõ nét diện mạo nông thôn của xã. Tăng cường liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất và đời sống Nhân dân. Tập trung huy động các nguồn lực trong Nhân dân, kết hợp với nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục xã, nội bản phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì và nâng cao chất lượng Trường học đạt chuẩn quốc gia và xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế. Đến năm 2025, xã đạt 12/19 tiêu chí

xây dựng nông thôn mới.

1.3. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng kết cấu hạ tầng

Tổng giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 25/25 tỷ đồng, đạt 100% (KH năm). Trong đó, các ngành chủ yếu là chế biến nông sản và sản xuất, phân phối điện. Sản lượng chè búp khô 500/500 tấn, đạt 100% KH.

Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, có 43/43 bản có đường ô tô hoặc xe máy đến bản được cứng hóa. 43/43 bản được sử dụng điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 99,82%. Tỷ lệ kiên cố trường lớp học 100%. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn chiếm 100%.

1.4. Phát triển thương mại - Dịch vụ

Toàn xã có 115 cơ sở kinh doanh, buôn bán các mặt hàng phục vụ Nhân dân. Nhìn chung hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã cơ bản ổn định; tổng doanh thu thương mại, dịch vụ trong năm đạt 60,5 tỷ đồng.

Được UBND tỉnh công nhận 02 điểm du lịch: Bản Thảm Phé và Vịnh Pá Khôm, bản Pá Khôm. Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất thu hút khách du lịch đến địa bàn tại các điểm du lịch như Khu di tích lịch sử Bản Luốt, Hang Tà Mung, hang Thảm Đán Chê và một số điểm như: chợ phiên Tà Mung, đồi chè Tà Mung, cánh đồng trồng lúa Tan Pôm... Doanh thu ngành du lịch đạt 60.739 triệu đồng, riêng năm 2025 đạt 29.498 triệu đồng.

Các chính sách tín dụng hỗ trợ đào tạo, giải quyết việc làm và giảm nghèo tiếp tục thực hiện có hiệu quả. Chính sách hỗ trợ chăm sóc y tế, giáo dục, đào tạo, xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, trợ giúp pháp lý và các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, được lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan mang lại hiệu quả cao.

Toàn xã có 18 hợp tác xã với 164 thành viên, tổng doanh thu của các hợp tác xã 9.698 triệu đồng, thu nhập bình quân người lao động hợp tác xã 58 triệu đồng/người/năm.

2. Phát triển văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và xóa mù chữ mức độ 1. Huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp: nhà trẻ (2-3 tuổi) đạt 100% kế hoạch giao; trẻ mẫu giáo đạt 100,2% kế hoạch giao; học sinh ra lớp tiểu học đạt 100,1% kế hoạch giao; học sinh ra lớp THCS đạt 102,1% kế hoạch giao. Chất lượng đội ngũ giáo viên ngày càng nâng lên, thực hiện kiểm định, công nhận lại trường học

đạt chuẩn quốc gia tại đơn vị trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung, 100% trường đạt chuẩn quốc gia.

2.2. Công tác y tế, dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Công tác y tế, dân số - KHHGD được quan chỉ đạo triển khai thực hiện, tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở, xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn; chất lượng công tác khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên; thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chương trình y tế quốc gia; phòng, chống dịch bệnh, HIV/AIDS, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) được quan thực hiện, không để xảy ra, vụ ngộ độc thực phẩm phải nhập viện điều trị.

Triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19: phân luồng, khám sàng lọc cho các bệnh nhân đến khám tại Trạm Y tế; thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh như đeo khẩu trang, sát khuẩn; xây dựng các phương án trong các trường hợp có bệnh nhân nhiễm, nghi nhiễm Covid-19 điều trị tại Trung tâm Y tế.

Công tác truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình và công tác chăm sóc bảo vệ trẻ em được đẩy mạnh.

2.3. Văn hóa - thể dục thể thao, thông tin và truyền thông

Các hoạt động, phong trào văn hóa - xã hội trên địa bàn được duy trì và phát huy, góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến nhân dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Tiêu biểu, xã đã phục dựng và duy trì 04 lễ hội truyền thống của các dân tộc trên địa bàn (Lễ hội Xòe Chiêng; Lễ hội Gầu Tào của đồng bào Mông; Lễ hội Đua thuyền đuôi én truyền thống; Lễ hội Mừng cốm mới của dân tộc Thái đen). Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức trình diễn trích đoạn các lễ hội đặc trưng (Lễ hội Mừng cốm mới dân tộc Khơ Mú; Lễ hội Kin Pang dân tộc Thái đen; Tết dân gian dân tộc Mông); tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ gắn với các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và địa phương.

Toàn xã đã thành lập và duy trì hoạt động của 43 đội văn nghệ truyền thống tại các bản, Câu lạc bộ dân ca dân tộc Thái và Câu lạc bộ bảo tồn bản sắc dân tộc Khơ Mú. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thành lập 11 không gian văn hóa dân tộc; duy trì tổ chức các lớp ngoại khóa, ngày hội mặc trang phục truyền thống nhằm giáo dục văn hóa cho học sinh.

Hoạt động thể dục - thể thao được quan tâm, phát triển rộng khắp; tổ chức tốt các hoạt động TDTT gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương; tổ chức thành công Đại hội Thể dục - Thể thao xã năm 2023, góp phần đẩy mạnh phong trào

“Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được triển khai đồng bộ, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; đẩy mạnh bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc, lồng ghép hiệu quả với các chương trình mục tiêu quốc gia.

Lĩnh vực thông tin và truyền thông tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng. Toàn xã đã được đầu tư hệ thống truyền thanh thông minh tại 41/43 bản, 2/43 bản được đầu tư hệ thống FM; trạm phát sóng truyền hình được đầu tư đồng bộ, hiện đại theo Đề án số hóa truyền hình của Chính phủ, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ chính trị và nhu cầu thông tin của Nhân dân. 100% các bản được phủ sóng điện thoại di động, internet băng thông rộng.

2.4. Thực hiện chính sách xã hội, lao động và giảm nghèo

- Công tác giảm nghèo, lao động, việc làm, dạy nghề được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Đã giải quyết việc làm mới cho 285/245 người lao động (đạt 116,3% kế hoạch); đào tạo nghề cho 1.782 học viên, riêng năm 2025 đào tạo nghề cho 370/370 học viên (đạt 100% kế hoạch), nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 84,6/84,6% (đạt 100% KH); 46/8 công dân đã xuất cảnh tham gia xuất khẩu lao động theo hợp đồng (đạt 575% kế hoạch). UBND xã đã chỉ đạo thực hiện rà soát hộ nghèo và thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn, tính đến hết năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã là 11,98%, giảm 15,09% so với năm 2021.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, chăm lo các đối tượng chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán. Thực hiện đảm bảo các chính sách an sinh, bảo trợ xã hội.

2.5. Công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường

Công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường luôn được quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Tập trung công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở cho công tác quản lý, sử dụng đất. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được tập trung triển khai quyết liệt, nhất là các công trình trọng điểm đảm bảo mặt bằng thi công các dự án theo kế hoạch.

Công tác quản lý khoáng sản, tài nguyên nước cơ bản được chặt chẽ, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn, nhất là hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; triển khai các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Nước thế giới hàng năm.

Công tác quản lý môi trường được quan tâm đúng mức. Các dự án đầu tư

vào xã đều được chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường. Không phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn. Chủ động tích cực trong công tác ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống, giảm thiểu, khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai.

3. Công tác dân tộc, tôn giáo

Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện; Làm tốt công tác tuyên truyền trong việc chấp hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; thực hiện QLNN về công tác tôn giáo trên địa bàn đảm bảo theo quy định. Các hoạt động tôn giáo nhìn chung đã tuân theo quy định của pháp luật.

4. Công tác dân vận chính quyền

Các cấp chính quyền địa phương đã tích cực tham gia các phong trào do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã phát động, hỗ trợ vật chất cho Nhân dân trong dịp tết; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận động Nhân dân phát triển sản xuất nâng cao thu nhập góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững, tham gia công tác xây dựng chính quyền các cấp, không nghe, không tin vào các luận điệu tuyên truyền của các thế lực thù địch.

5. Kết quả công tác đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội

5.1. Công tác Quân sự - Quốc phòng

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác quân sự, quốc phòng. Tổ chức huấn luyện hằng năm, diễn tập khu vực phòng thủ, chiến đấu phòng thủ và diễn tập phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn sát thực tế, đạt kết quả cao; Chú trọng giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao chất lượng huấn luyện, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đáp ứng tốt khả năng sẵn sàng chiến đấu. Quan tâm bồi dưỡng giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh và công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương.

5.2. Công tác an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội

Chủ động nắm chắc tình hình an ninh, thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện và ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; triển khai hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, xử lý các hành vi gây rối, bạo loạn, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh nông thôn, không để phát sinh vụ việc phức tạp, điểm nóng.

Chỉ đạo quyết liệt công tác phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy và tội phạm trộm cắp tài sản. Công tác vận động Nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đạt nhiều kết quả tích cực; công tác phòng, chống tội phạm và kiểm soát tội phạm ma túy được tăng cường, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

6. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng

6.1. Công tác xây dựng chính quyền

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch dân vận chính quyền, thực hiện công tác dân vận trong thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tập trung chỉ đạo Nhân dân các thôn bản chăm sóc lúa đông xuân và các loại cây màu khác, chăm sóc thu hái chè. Giải quyết kịp thời các chính sách an sinh xã hội, bảo hiểm y tế cho người dân. Thực hiện tốt QCDC ở cơ sở, niêm yết công khai bản đồ quy hoạch kế hoạch sử dụng đất theo quy định; phối hợp Ủy ban MTTQ xã tuyên truyền thực hiện dọn vệ sinh môi trường đường làng ngõ xóm, thu gom rác thải đúng nơi quy định. Tổ chức thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị; củng cố, kiện toàn mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

6.2. Công tác cải cách hành chính, thi đua khen thưởng

Công tác cải cách hành chính được quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhiều thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định; đặc biệt với việc triển khai đi vào hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính góp phần giảm giấy tờ, hạn chế việc in ấn văn bản.

Công tác thi đua khen thưởng luôn được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đảm bảo khen đúng, kịp thời tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn. Đã tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến xã Mường Kim lần thứ I (2025 - 2030); Tặng giấy khen cho 04 tập thể; 33 cá nhân và 04 hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, giai đoạn 2020 - 2025 tại Hội nghị điển hình tiên tiến xã Mường Kim lần thứ I (2025 - 2030).

7. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; hoạt động tư pháp

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được quan tâm chỉ đạo. Thực hiện nghiêm các buổi tiếp công dân theo quy định để lắng nghe, tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, nhất là việc tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy. Hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng pháp luật, cơ bản không

để tồn đọng, nhất là các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác cải cách tư pháp; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2021 - 2025, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức song được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh; sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, sự hưởng ứng nhiệt tình, trách nhiệm của nhân dân các dân tộc, kinh tế của xã tiếp tục có bước phát triển, nhiều chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế đã đạt và vượt kế hoạch đề ra như: Tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người; tỷ lệ che phủ rừng... Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp được thực hiện có hiệu quả, sản xuất nông, lâm nghiệp có chuyển biến rõ rệt; chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo quyết liệt (*xã đã đạt 12/19 tiêu chí nông thôn mới*). Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch được tăng cường; thu nhập của người dân được tăng lên. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có sự chuyển biến tích cực; sự nghiệp giáo dục và đào tạo; công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm thực hiện. Các chính sách về an sinh xã hội được quan tâm thực hiện và đảm bảo đúng quy định.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tập trung triển khai thực hiện. Công tác cải cách hành chính được tập trung đẩy mạnh. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác đảm bảo giao thông được tăng cường; tình hình tôn giáo cơ bản ổn định.

2. Những tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã được quan tâm đầu tư xong hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là các bản thuộc xã Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu (cũ) còn rất nhiều khó khăn, phát triển chậm và chưa bền vững; kết cấu hạ tầng còn hạn chế, chưa đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông, phòng học, nhà công vụ cho đội ngũ nhà giáo, hệ thống nước sinh hoạt, hạ tầng du lịch chưa được đầu tư.

Đã hình thành và phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, nuôi cá lồng và trồng cây ăn quả để thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác hiệu quả các tiềm năng, song quy mô còn nhỏ, hiệu quả chưa cao; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; chất lượng rừng trồng và thực hiện chăn nuôi đại gia súc theo hướng tập trung kết quả còn hạn chế.

Chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân có mặt hạn

ché. Cải cách hành chính chưa theo kịp yêu cầu của quản lý xã hội. Chất lượng một bộ phận công chức chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; một bộ phận nhân dân còn trông chờ, ỷ lại, chưa chủ động vươn lên trong cuộc sống.

Tình hình an ninh trật tự ở một số địa bàn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp nhất là tội phạm về mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, an ninh tôn giáo...

3. Nguyên nhân

Xuất phát điểm xây dựng nông thôn mới thấp, địa bàn rộng, nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 chưa đáp ứng được nhu cầu xây dựng hạ tầng đặc biệt là việc mở mới, nâng cấp, cứng hóa các tuyến đường đến các bản.

Là xã địa bàn rộng, chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế việc thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn; công tác tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện các chính sách pháp luật của nhà nước còn hạn chế. Các vùng sản xuất tập trung được đầu tư, hỗ trợ từ nguồn kinh phí của Nhà nước là chủ yếu, chưa huy động được nguồn lực xã hội đặc biệt là nguồn lực của hộ nông dân đầu tư phát triển sản xuất.

Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã chưa chặt chẽ trong một số nhiệm vụ. Ý chí vươn lên thoát nghèo của một bộ phận người dân còn thấp, tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, quán triệt học tập sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chú trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền, quy chế dân chủ ở cơ sở; vận dụng linh động các chủ trương, áp dụng phù hợp điều kiện địa chính trị của địa phương; chủ động báo cáo, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cấp trên trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Hai là, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết, tăng cường vai trò, năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền. Phân công nhiệm vụ cho cá nhân, tổ chức, gắn trách nhiệm cụ thể, rõ ràng; làm tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ. Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển của xã, đồng thời phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tận dụng, phát triển nguồn lực tự nhiên, nguồn lực con người địa phương.

Ba là, quan tâm giải quyết kịp thời kiến nghị, phản ánh của Nhân dân. Chủ động, tích cực nghiên cứu thực tiễn, tranh thủ mọi nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của xã. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, chăm lo đời sống của Nhân dân đặc biệt là đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm, các chính sách đối với người có công.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH TRONG 5 NĂM TỚI

Trong những năm tới, tình hình trong nước và thế giới có cả thuận lợi, khó khăn và thời cơ, thách thức đan xen. Bối cảnh quốc tế giai đoạn 2026 - 2030 được định hình bởi xu hướng hội nhập kinh tế sâu rộng, đặc biệt là trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Bên cạnh đó, sự phát triển của nền kinh tế số và trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ tạo ra những tác động to lớn, hứa hẹn đóng góp hàng nghìn tỷ USD vào kinh tế toàn cầu và Việt Nam.

1. Thuận lợi

Trong 5 năm tới, Đảng, Nhà nước và tỉnh Lai Châu tiếp tục có nhiều chủ trương, chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới. Các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu từng bước được đầu tư; Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, tạo điều kiện cho xã chuyên đổi cơ cấu sản xuất, nâng cao năng suất, tăng thu nhập góp phần cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Đó là những cơ hội lớn để xã tranh thủ các nguồn lực tập trung phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... tạo tiền đề cho xã phát triển nhanh và bền vững.

2. Khó khăn

Xã không có lợi thế cạnh tranh; trình độ dân trí chưa đồng đều, hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, nguồn lực đầu tư cho sự phát triển còn hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực chưa cao; một số hủ tục, tập quán lạc hậu còn tồn tại; giảm nghèo chưa bền vững; tình hình an ninh trật tự tiềm ẩn yếu tố phức tạp,... ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của xã.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Phương hướng, mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện rõ rệt cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; phát huy tiềm năng phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; gắn phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

(1) Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 63 triệu

đồng/người/năm.

(2) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng trên 8%/năm.

(3) Tổng lượt khách du lịch tăng bình quân 10%/năm; doanh thu từ du lịch đến năm 2030 đạt trên 239,7 tỷ đồng.

(4) Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; giữ vững và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2. Huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp đạt 38% trở lên; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường: Mẫu giáo đạt 100%, tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 99,2%, trung học phổ thông đạt 60% trở lên. Duy trì 100% trường đạt chuẩn quốc gia.

(5) Hằng năm, giải quyết việc làm cho 280 lao động, đào tạo nghề cho 280 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 85%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 42% trở lên.

(6) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 3%/năm.

(7) Dân số đến năm 2030 đạt trên 21.599 người. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 19,80%; Duy trì xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 98%.

(8) 100% bản có nhà văn hóa; 92,5% hộ gia đình, 93% bản đạt tiêu chuẩn văn hóa.

(9) Đến năm 2030 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(10) 100% đường xã được cứng hóa; 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 83% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

(11) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,78%.

(12) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý đạt 90%; Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối) đạt 65%; Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98%.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẾN NĂM 2030

1. Nhiệm vụ phát triển các ngành kinh tế

a) Phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn

- Phát triển nông nghiệp: Tích cực chuyển đổi cây trồng trên đất nương sang trồng một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục chăm sóc, duy trì ổn định diện tích cây ăn quả đã trồng. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện một số dự án cây trồng có giá trị kinh tế cao. Đẩy mạnh chỉ đạo thực hiện phát triển chăn nuôi

đại gia súc theo hướng tập trung; khai thác lợi thế lòng hồ để phát triển nuôi cá lồng. Thực hiện phòng chống rét, dịch bệnh và quản lý (có chuồng trại; chủ động nguồn thức ăn thô xanh...), sử dụng hiệu quả các sản phẩm phụ trong nông nghiệp để bảo quản, chế biến làm thức ăn dự trữ, bổ sung trong mùa đông cho gia súc, gia cầm; thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Phát triển lâm nghiệp: Thực hiện tốt công tác khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng mới rừng, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 42,78% và bảo vệ diện tích rừng hiện có, đặc biệt trong mùa khô; thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng đảm bảo đúng quy định, hiệu quả; làm tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện Luật Lâm nghiệp.

- Xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự chuyển biến về nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về tiêu chí, yêu cầu và nội dung xây dựng nông thôn mới. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới trên tinh thần “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Tiếp tục đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng nông thôn; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, vệ sinh môi trường; an ninh trật tự xã hội; củng cố hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn nông thôn mới; Phấn đấu đến năm 2030, xã đạt 10/10 tiêu chí Nông thôn mới. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn, lồng ghép hiệu quả các chương trình, dự án; quan tâm xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất tập trung, đẩy mạnh công tác giảm nghèo và giải quyết các vấn đề môi trường nông thôn.

b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Phát triển công nghiệp trên cơ sở khai thác hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Khuyến khích, ưu tiên lĩnh vực sản xuất, chế biến nông, lâm sản. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các dự án: điện mặt trời, nhà máy sản xuất chế biến nông, lâm, thủy sản, trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn.

- Xây dựng: Tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện các dự án đầu tư và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư được giao; các chủ đầu tư tăng cường phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư công từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án, nâng cao chất lượng công trình; thực hiện nghiệm thu, việc tạm ứng, thu hồi tạm ứng đúng theo quy định; tăng cường quản lý chất lượng, tiết độ các công trình đầu tư.

c) Thu chi ngân sách: Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Chỉ đạo triển khai kiểm tra thuế kết hợp với kiểm tra giá nhằm chống thất thu ngân sách. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách, góp phần kiềm chế lạm phát.

Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ vay vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

d) Phát triển Thương mại - dịch vụ

Nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác quản lý thị trường, giá cả, phòng chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng. Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại; tận dụng thế mạnh, lợi thế của xã để phát triển các sản phẩm chủ lực như các sản phẩm nông, lâm sản. Phối hợp với các đơn vị nâng cao chất lượng các dịch vụ viễn thông, vận tải, tài chính ngân hàng và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; tiếp tục phát triển các điểm bán nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Nhiệm vụ phát triển lĩnh vực văn hoá - xã hội

a) Phát triển giáo dục và đào tạo: Làm tốt công tác duy trì sĩ số học sinh, nâng cao tỷ lệ chuyên cần. Chú trọng công tác giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn trong trường học, xây dựng trường chuẩn quốc gia. giữ vững và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2. Duy trì và nâng cao chất lượng các trường trên địa bàn xã đạt chuẩn quốc gia.

b) Công tác Y tế, Dân số - KHHGD:

Tập trung nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Chú trọng cử đi đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ bác sĩ, nhân viên y tế. Quản lý, giám sát chặt chẽ và xử lý kịp thời các loại dịch bệnh truyền nhiễm, không để dịch bệnh bùng phát, lây lan rộng; duy trì thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, phấn đấu đưa tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 19,80%; Tiếp tục triển khai chương trình chuyển đổi số y tế, phấn đấu trên 94% dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử.

Tổ chức triển thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, nhất là công tác quản lý dinh dưỡng, theo dõi sức khỏe của bà mẹ - trẻ em. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, nhân viên y tế trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng phạm vi, đối tượng theo quy định. Phấn đấu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 98%.

c) Công tác giảm nghèo và giải quyết việc làm: Làm tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và rà soát hộ nghèo từng năm. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho Nhân dân trong công tác giảm nghèo, khuyến

khích những người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp những người nghèo khác thoát nghèo bền vững. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc.

d) Văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao: Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, đặc biệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xã. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí và phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa đặc biệt là tuyên truyền về Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã và các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh. Đẩy mạnh hoạt động văn hóa, văn nghệ nhằm phục vụ đông đảo các tầng lớp Nhân dân, góp phần nâng cao giá trị hưởng thụ về văn hóa cho Nhân dân. Phát triển mạnh mẽ thể dục, thể thao quần chúng. Tập trung nâng cao hiệu quả, chất lượng phong trào toàn dân tham gia xây dựng đời sống văn hoá.

3. Quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường

Tăng cường quản lý, sử dụng đất đai có hiệu quả, tiếp tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nhân dân; tạo quỹ đất ở, đất thương mại dịch vụ... để giao đất ở cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trên địa bàn xã và tổ chức đầu giá. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về bảo vệ môi trường, nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, của các tổ chức, đoàn thể xã hội; thực hiện tốt việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn; Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên; thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật, quản lý và tổ chức khai thác hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên hiện có.

4. Quốc phòng - an ninh và đối ngoại

Quản trịệt và thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, mệnh lệnh, kế hoạch của cấp trên về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; xây dựng lực lượng vũ trang xã vững mạnh; thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, tham mưu xử trí kịp thời các tình huống; tích cực tham gia công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai. Hoàn thành các chỉ tiêu về công tác tuyển quân, công tác huấn luyện và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức thành công các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão...

Xây dựng thế trận an ninh vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, âm mưu và hoạt động của các đối tượng thù địch; phối hợp giải quyết có hiệu quả các hoạt động lợi dụng tự do tín ngưỡng tôn giáo để tuyên truyền đạo trái pháp luật, di cư tự do, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, sử dụng các chất ma túy. Làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn hoạt động của các loại tội phạm. Làm

tốt công tác thanh tra, kiểm tra trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và các tiêu cực xã hội khác. Giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại. Tăng cường phối hợp chặt chẽ đối ngoại Đảng với ngoại giao chính quyền và nâng cao hiệu quả, chất lượng đối ngoại nhân dân.

5. Xây dựng chính quyền; cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục kiện toàn bộ máy cán bộ, công chức cấp xã, tập trung vào đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và Nhân dân góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Triển khai sâu rộng và thực hiện đồng bộ Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện nghiêm túc chương trình hành động phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, thu - chi ngân sách, quản lý tài chính công. Tăng cường công tác giám sát của HĐND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc trong công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính ở cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát huy tiềm năng thế mạnh của xã, tiếp tục đổi mới, nâng cao công tác tuyên truyền, vận động. Đồng thời chú trọng nghiên cứu cụ thể hoá kế hoạch thực hiện sát hợp với tình hình thực tế tại địa phương, tập trung vào các ngành, lĩnh vực có trọng tâm, trọng điểm.

2. Huy động và khai thác tốt tiềm năng lợi thế đặc thù của địa phương; đồng thời sử dụng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên cho những dự án quan trọng, hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư của Trung ương, tỉnh. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực, khâu trọng tâm, trọng điểm nhằm tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác thông tin, quảng bá và tiếp thị mở rộng thị trường để giới thiệu sản phẩm hàng hóa, kích thích phát triển sản xuất kinh doanh.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực. Đẩy mạnh xây dựng phát triển chính quyền số, đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính. Quan tâm công tác tạo nguồn và nâng cao chất lượng quy hoạch cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài, tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền; xây dựng và rèn luyện đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời đại mới; Đổi mới, nâng cao chất lượng việc làm cho lao động nông thôn phù hợp với định hướng

phát triển kinh tế xã hội của xã.

4. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức hội trong tập hợp quần chúng: phát huy vai trò quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân là nhân tố quyết định đến sự thành công trong việc phát triển kinh tế - xã hội của xã.

5. Tổ chức tốt phong trào thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030, lập thành tích chào mừng kỷ niệm các sự kiện lịch sử của đất nước, của tỉnh, của xã. Chú trọng trong công tác kiểm tra, giám sát trong thực hiện kế hoạch nhiệm vụ 5 năm, giai đoạn 2026 - 2030, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ theo lộ trình hàng năm; thực hiện kịp thời công tác thi đua khen thưởng tạo động lực thúc đẩy phấn đấu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 trình tại kỳ họp thứ 5 HĐND xã khoá XXI, nhiệm kỳ 2021-2026 của UBND xã Mường Kim./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các bản trên địa bàn;
- Lưu: VT, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Nội

Biểu số 1.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030

(Kèm theo Báo cáo số: 2412/BC-UBND ngày 04/12/2025 của UBND xã Mường Kim)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030	Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2026-2030	Ghi chú
1	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	47,0	48,5	53,0	59,0	61,0	63,0	63,0	
2	Các chỉ tiêu nông nghiệp, nông thôn mới									
-	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Nghìn tấn	11.910,0	11.880,0	11.907,0	11.921,0	11.928,0	11.930,0	11.930,0	
-	Diện tích cây chè	ha	1.164,67	1.164,67	1.164,67	1.164,67	1.164,67	1.164,67	1.164,67	
	Trong đó: Trồng mới	ha	475,46	0	0	0	0	0	0	
-	Tăng trưởng đàn gia súc	%	-11,94	16,23	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	
-	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	12,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10,0	10,0	
3	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	0,231	10,5	11,3	12,2	13,2	14,3	419,0	
4	Hạ tầng nông thôn									
-	Tỷ lệ đường xã được cứng hóa	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
-	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,82	99,82	99,82	99,82	99,82	100,0	100,0	
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91,0	91,5	95,0	98,0	100,0	100,0	100,0	
5	Giáo dục									
-	Tỷ lệ xã, phường đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
-	Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
-	Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
-	Tỷ lệ học sinh mẫu giáo đến trường	%	100	100	100	100	100	100	100	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi Tiểu học đến trường	%	100	100	100	100	100	100	100	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi Trung học cơ sở đến trường	%	97,0	97,5	98,0	98,5	99,0	99,2	99,2	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi Trung học phổ thông đến trường	%	60,0	>60	>60	>60	>60	>60	>60	
-	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
6	Y tế, dân số									
-	Dân số	Người	20.352	20.594	20.839	21.089	21.342	21.599	21.599	
-	Số bác sỹ trên vạn dân	1/10000	4	4	4	4	4	4	4	
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (Thấp còi)	%	22,4	21,93	21,44	20,83	20,27	19,8	19,8	
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
-	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	89,4	89,6	92,0	94,0	96,0	98,0	98,0	

KẾ HOẠCH NGÀNH NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Báo cáo số: 2412/BC-UBND ngày 04/12/2025 của UBND xã Mường Kim)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện GD 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030					Kế hoạch 5 năm 2026-2030	Ghi chú
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030		
I	TRỒNG TRỌT									
1	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	11.910,0	11.880	11.907	11.921	11.928	11.930	11.930,0	
2	Một số cây trồng chính									
2.1	Cây lương thực có hạt									
	- Lúa cả năm: + Diện tích	Ha	1.523,3	1.521,2	1.521,2	1.521,2	1.521,2	1.521,2	1.521,2	1.521,2
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,5	54,4	54,5	54,7	54,8	54,9	54,9	54,9
	+ Sản lượng	Tấn	8.153,8	8.280,0	8.295,0	8.321,0	8.336,0	8.350,0	8.350,0	8.350,0
	- Ngô cả năm: + Diện tích	Ha	888,0	838,0	838,0	829,0	820,0	811,0	811,0	811,0
	+ Năng suất	Tạ/ha	42,3	43,0	43,1	43,4	43,8	44,1	44,1	44,1
	+ Sản lượng	Tấn	3.756,2	3.600,0	3.612,0	3.600,0	3.592,0	3.580,0	3.580,0	3.580,0
2.2	Cây chè: Tổng diện tích	Ha	1.164,67	1.164,67	1.164,67	1.164,67	1.164,67	1.164,67	1.164,67	
	- Sản lượng chè búp tươi	Tấn	6.000	6.800	7.200	7.480	8.520	8.700	8.700,0	
	- Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	22,00	164,67	250,00	250,00	250,00	250,00	250,00	1.164,67
	- Diện tích chè tập trung được được sản xuất, quản lý theo tiêu chuẩn an toàn, hữu cơ	Ha	10,5	50	50	50	50	50	50	250
II	CHĂN NUÔI									
1	Tổng đàn gia súc	Con	18.807	21.860	22.020	22.260	22.500	23.070	23.070	
	Đàn trâu	Con	5.401	4.970	4.900	4.920	4.850	4.930	4.930	4.930
	Đàn bò	Con	3.046	2.490	2.520	2.540	2.550	2.540	2.540	2.540
	Đàn lợn	Con	10.360	14.400	14.600	14.800	15.100	15.600	15.600	15.600
2	Tổng đàn gia cầm	Nghìn con	87,0	90,0	90,00	90,00	90,00	91,00	91,00	91,00
3	Thịt hơi các loại	Nghìn tấn	1,07	1,308	1,38	1,88	1,90	1,98	1,98	1,98
	Trong đó: Thịt lợn	Nghìn tấn	0,62	0,81	0,84	1,33	1,36	1,40	1,40	1,40
4	Số trang trại chăn nuôi	Trang trại	14	23,0	23,0	23,0	23,0	23,0	23,0	23,00
	Trong đó: Số trang trại có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo yêu cầu	Trang trại	6	11,0	13,0	14,0	17,0	23,0	23,0	23,00
	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo yêu cầu	%	43,5	47,83	56,52	60,87	73,91	100,00	100,00	100,00
III	THỦY SẢN									
1	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	240,86	319,00	358,00	362,50	382,23	401,10	401,10	
	- Khai thác	Tấn	16,0	16,0	16,0	16,0	16,0	16,0	16,0	16,00
	- Nuôi trồng	Tấn	224,86	303,0	342,0	346,5	366,2	385,1	385,10	385,10
2	Diện tích ao nuôi trồng thủy sản	Ha	43	43	43	43	43	43	43	43
	- Thể tích nuôi cá nước lạnh	m ³								
	- Thể tích nuôi cá lồng	m ³	53.784	53.784	53.784	53.784	53.784	53.784	53.784	53.784,00
IV	LÂM NGHIỆP									
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	39,40	40,11	40,69	41,36	41,63	42,78	42,78	
2	Tổng diện tích rừng (tính cả cao su)	Ha	15.550	15.763,00	16.006,00	16.286,00	16.552,00	16.849,00	16.849,00	
2.1	Rừng tự nhiên		11.725,12	11.798,25	11.901,25	12.041,25	12.167,25	12.324,25	12.324,25	
	Trong đó: - Rừng phòng hộ	Ha	8.131,32	3.521,32	3.507,70	3.531,03	3.540,36	3.577,69	3.577,69	
	- Rừng sản xuất	Ha	3.521,32	8.204,45	8.321,07	8.437,74	8.554,41	8.674,08	8.674,08	
	- Rừng ngoài quy hoạch		72,48	72,48	72,48	72,48	72,48	72,48	72,48	
2.2	Rừng trồng tập trung	Ha	3.607,16	3.747,16	3.887,16	4.027,16	4.167,16	4.307,16	4.307,16	
	- Rừng sản xuất	Ha	3.017,72	3.157,72	3.297,72	3.437,72	3.577,72	3.717,72	3.717,72	

	- Rừng phòng hộ	Ha	121,81	121,81	121,81	121,81	121,81	121,81	121,81
	- Rừng ngoài quy hoạch	Ha	467,63	467,63	467,63	467,63	467,63	467,63	467,63
2.3	Diện tích trồng rừng mới	Ha	959,87	140	140	140	140	140	700,00
	+ Rừng sản xuất	Ha	958,03	140	140	140	140	140	700,00
	+ Rừng phòng hộ	Ha	1,84						
3	Cây cao su	Ha	217,59	217,59	217,59	217,59	217,59	217,59	217,59
V	NÔNG THÔN MỚI, OCOP VÀ GIẢM NGHÈO								
1	Bình quân tiêu chí trên xã	Tiêu chí/xã	12,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10,0	10,0
2	Số sản phẩm được công nhận OCOP	SP	6,0	8	10	12	14	15	15,00
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	11,98	9,88	7,88	5,88	3,88	1,88	1,88
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	-6,67	2,10	2,00	2,00	2,00	2,00	2,00
VI	CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG								
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý	%	55,5	65,0	70,0	78,0	88,0	90,0	90,00
2	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối)	%		35,0	40,0	50,0	60,0	65,0	65,00
3	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%		90	92	94	96	98	98,00
4	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	39,0	48,0	55,0	65,0	76,0	83,0	83,00
5	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	91,0	91,5	95,0	98,0	100,0	100,0	100,0

